

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2022/HNGĐ-ST
Ngày 16/5/2022
V/v tranh chấp ly hôn, con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN KIM NGỌC**.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông **NGUYỄN VĂN TƯ**

- Bà **NGUYỄN THỊ KIM HẠNH**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **NGUYỄN TRẦN HỒNG NHUNG** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 16 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 240/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2021 về việc: “Tranh chấp ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **THỊ T**, sinh năm 1990. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã C, huyện C, tỉnh T.

- **Bị đơn:** Anh **ĐẶNG HOÀNG S**, sinh năm 1990. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã C, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 04/4/2021 và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Thị T trình bày:

Chị và anh Đặng Hoàng S tự nguyện tiến tới hôn nhân năm 2010 có đăng ký kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị và anh S không hợp tính tình, bất đồng quan điểm trong cuộc sống thường cãi vã chị về nhà cha mẹ ruột sống nên vợ chồng ly thân từ đó đến nay.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đặng Hoàng Th, sinh ngày 23/9/2010 cháu đang sống với anh S.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay chị Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Đặng Hoàng S, giao con chung cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng, chị cấp dưỡng nuôi con cùng anh S mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi cháu Th trưởng thành (tròn 18 tuổi).

- Bị đơn anh Đặng Hoàng S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:** Xét thấy, bị đơn anh Đặng Hoàng S cư trú: Ấp A, xã C, huyện C, tỉnh T. Do đó, tranh chấp ly hôn giữa chị T, anh S thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Tòa án đã triệu tập, tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đối với bị đơn anh Đặng Hoàng S nhưng anh vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh S.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Tại phiên tòa chị Thị T trình bày, chị và anh Đặng Hoàng S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Y, huyện A, tỉnh K cấp giấy chứng nhận kết hôn Số 115, Quyển số 01/2010 vào ngày 28/5/2010 đây là hôn nhân hợp pháp. Chị T yêu cầu Tòa án cho ly hôn với anh S vì cho rằng trong quá trình sống chung vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ chồng đã chính thức ly thân từ năm 2019 đến nay. Còn anh S tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập mời xét xử nhiều lần nhưng anh S vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị T, điều đó cho thấy anh S đã không còn quan tâm đến hôn nhân giữa anh và chị T. Xét thấy, thời gian anh chị ly thân cũng đã lâu, tình cảm vợ chồng anh, chị không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh S là phù hợp.

[3] **Về con chung:** Chị T và anh S có 01 con chung tên Đặng Hoàng Th, sinh ngày 23/9/2010, cháu đang sống với anh S, khi ly hôn chị T giao con chung cho anh S nuôi dưỡng. Xét thấy, từ khi anh, chị ly thân đến nay con chung do anh S trực tiếp nuôi dưỡng, cháu phát triển bình thường, ngoài ra tại tờ khai ghi ý kiến cháu Th có mong muốn sống với anh S sau khi cha mẹ ly hôn, để tránh xáo trộn về mặt tâm sinh lý cũng như đảm bảo cuộc sống và sự phát triển bình thường của cháu. Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Đặng Hoàng Th cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] **Về cấp dưỡng:** Chị Thị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng anh S mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi cháu Đặng Hoàng Th trưởng thành, tròn 18 tuổi là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp thuận.

[5] **Về tài sản chung, nợ chung:** Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] **Về án phí:** Chị Thị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Thị T được ly hôn với anh Đặng Hoàng S

2. Về con chung: Giao con chung tên Đặng Hoàng Th, sinh ngày 23/9/2010 cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng.

Chị T được quyền tới thăm nom con chung không ai được cản trở chị thực hiện quyền này.

3. Về cấp dưỡng: Chị Thị T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến khi cháu Đặng Hoàng Th trưởng thành (tròn 18 tuổi) lao động được. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án (ngày 16/5/2022).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng, chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo

biên lai thu số 0000254 ngày 27/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên phải nộp tiếp 300.000đ.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã Y;
- Các đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kim Ngọc